

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03/9/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lù Xuân Tờ;
- Bà Đỗ Thị Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Lò Là Cáo—Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2026/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2026, Thông báo thay đổi ngày, giờ xét xử vụ án dân sự số: 02/TB-TA, ngày 07/8/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lù Thị Ng, sinh năm 2005; CCCD số: 002305001822 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/4/2021; địa chỉ: Thôn Ng, xã Th, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;*

2. *Bị đơn:* Anh Lù Văn T (Lù Seo T), sinh năm 2002; CCCD số: 002202001582 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/4/2021; địa chỉ: Thôn Ng, xã Th, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 15/04/2026, bản tự khai ngày 18/5/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lù Thị Ng trình bày:*

Chị Lù Thị Ng và anh Lù Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Nay là Ủy ban nhân dân xã Th, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý

do mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đánh đập chị Ng nhiều lần, chị cũng đã bỏ qua cho anh T rất nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Khi anh T đánh đập, bố mẹ gia đình cũng khuyên bảo ngăn cản nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy, không chịu thay đổi. Chị Ng đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn S, xã B, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2024 và ly thân với anh T từ đó, cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ng cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lù Văn T.

Về con chung: Chị Lù Thị Ng và anh Lù Văn T có một đứa con chung tên là: Cháu Lù Đức H, sinh ngày 05/9/2022. Vợ chồng ly hôn, chị Ng đề nghị giao cháu Lù Đức H, sinh ngày 05/9/2022 cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. chị Ng bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/8/2026 của chị Ng, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị cho biết hiện tại chị không có chỗ ở ổn định, không có nhà cửa, đất đai để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu sau khi ly hôn. Vì vậy, chị Ng đề nghị giao cháu H cho anh T chăm sóc để đảm bảo cho cháu được phát triển tốt nhất.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lù Văn T được nên chị Ng có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án với nội dung giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện có trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt và chị không có ý kiến nào khác.

** Tại bản tự khai ngày 12/06/2026, bị đơn anh Lù Văn T trình bày:* Anh Lù Văn T và chị Lù Thị Ng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã Th, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2024 thì vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không cải thiện. Chị Ng đã về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống tại thôn S, xã B, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2024 và anh chị ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đồng ý ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung: Cháu Lù Đức H, sinh ngày 05/9/2022. Vợ chồng ly hôn, anh T đồng ý với nguyện vọng của chị Ng để cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lù Đức H, sinh ngày 05/9/2022 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do đang bận đi làm xa nhà, không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Lò Thị Ng được nên anh T có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án. Anh T giữ nguyên các nội dung về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp như đã trình bày tại bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Đề nghị Tòa án tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị Ng. Đề nghị xử cho chị Lò Thị Ng được ly hôn với anh Lò Văn T. Về con chung: Giao cháu Lò Đức H, sinh ngày 05/9/2022 cho anh Lò Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng, anh T có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Lò Thị Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Lò Thị Ng có đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” với bị đơn anh Lò Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Cóc Rặc, xã Th, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lò Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do đang bận công việc không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên chị Ng có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

[3] Bị đơn anh Lò Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm xa nhà, không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên anh T xin phép được vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho các đương sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị Ng và bị đơn anh Lò Văn T là có căn cứ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn chị Lò Thị Ng, bị đơn anh Lò Văn T, các biên bản xác minh với đại diện quản lý thôn, người thân hai bên gia đình chị Ng, anh T thấy rằng: Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã Th, tỉnh Tuyên Quang*). Anh chị chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại nhà bố đẻ của anh T là ông Lò Văn L tại nhà riêng ông L ở thôn Ng xã Th, huyện H, tỉnh Hà Giang (*nay là thôn C, xã Th, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị đi làm công ty cho đến nay nên việc anh chị có mâu thuẫn hay không thì ông bà không trực tiếp nắm được, chỉ nghe anh T kể lại là vợ chồng anh chị có xích mích, nhiều lần cãi vã nên hiện tại chị Ng và anh T không còn ở với nhau, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến tháng 5/2024, chị Ng có trở về nhà và từ đó chị đi làm đến nay chị không quay trở về nhà lần nào nữa, bố mẹ anh T không còn liên lạc được với chị, chị cũng không gọi lại để hỏi thăm bố mẹ chồng và con trai chị. Qua xác minh với trưởng thôn, công an xã và bố mẹ anh T là ông L và bà L1, anh T đi làm ăn xa nhưng thì thoảng trở về nhà để thăm gia đình và con cái, hàng tháng anh đều gửi tiền về cho bố mẹ anh để giúp anh chăm sóc con là cháu H. Chị Ng từ lúc đi đến nay không còn quay trở về nhà chồng sinh sống và chăm con lần nào, không gọi điện hỏi thăm gia đình, chồng và con là cháu H cũng như không có gửi tiền về để bố mẹ chồng giúp chị chăm sóc cho cháu H. Hiện nay, anh T và chị Ng không ở với nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm, hỏi hăn đến nhau và không biết nhau đang làm công việc gì. Qua xác minh với ông Lò Văn S và bà Lò Thị Ch là bố mẹ đẻ chị Ng, trong quá trình chung sống thì anh chị thường xuyên đi làm ăn xa, anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, sau khi say anh hay chửi mắng chị Ng. Đến khoảng đầu năm 2025 thì chị Ng bỏ nhà ngoại đi về nhà ông S và bà chị Ch để ở, hiện nay chị Ng đang đi làm ăn xa, thì thoảng chị vẫn quay trở về địa phương, về nhà bố mẹ đẻ chị để ở nhưng không quay về chung sống với anh T. Hiện nay, chị Ng và anh T đều đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Thời gian xa nhà anh chị có gọi điện về hỏi thăm tình hình sức khỏe của bố, mẹ và các con, nhưng không có hỏi về tình hình của nhau. Xét thấy vợ chồng chị Ng, anh T đã sống ly thân nhau mà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; người nào biết bổn phận của người đó, không có sự liên lạc, vun đắp, chia sẻ cùng nhau. Như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị Ng đề nghị giải quyết ly hôn anh T cũng nhất trí. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị Ng được ly hôn với anh Lò Văn T là có cơ sở.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Ng, anh T có 01 (*Một*) con chung là cháu Lò Đức H, sinh ngày 05/9/2022. Trường hợp ly hôn chị

Ng và anh T đều có nguyện vọng giao cháu Lù Đức H, sinh ngày 05/9/2022 cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu H đang ở cùng với anh T, do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có sự giúp đỡ từ ông L và bà L1 là ông bà nội của các cháu, anh T đi làm ăn xa nhưng thường xuyên gọi điện hỏi thăm và hàng tháng đều gửi tiền về để ông bà chăm sóc cho con, chị Ng không gửi tiền, gọi điện hỏi thăm cháu H trong thời gian chị bỏ nhà đi. Hiện anh T có ruộng đất, có nhà cửa kiên cố ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc cháu. Do đó để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Lù Đức H, sinh ngày 05/9/2022 cho anh Lù Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Lù Thị Ng được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lù Thị Ng có nguyện vọng không phải cấp dưỡng nuôi con chung và bị đơn anh Lù Văn T không có yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ý kiến đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Lù Thị Ng thuộc trường hợp được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và có đơn xin miễn án phí nên chị Ng được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lù Thị Ng, bị đơn anh Lù Văn T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và

gia đình; các điều 51,56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị Ng, xử cho chị Lò Thị Ng được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Đức H, sinh ngày 05/9/2022 cho anh Lò Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị Ng được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn anh Lò Văn T không phải chịu án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lò Thị Ng, bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã Th, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh